

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 10-7-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy và ông Nguyễn Văn Vy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “*TrA chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-DS ngày 27/4/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 91/2023/TB-TA ngày 23/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2023/QĐST-DS ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Q, sinh năm 1960. Địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đường C, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền ngày 22/11/2022). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông L - Luật sư của Công ty Luật D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Đình H1, sinh năm 1981 và bà Trần Thị Lan A, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ: Đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2022, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/9/2022 vợ chồng ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A có vay của bà Đào Thị Q tổng cộng 21 cây vàng (vàng 24K 9999) cùng số tiền 600.000.000 đồng, hai bên có lập Giấy vay vàng và tiền để làm chứng. Số tiền và vàng này là tài sản riêng của bà Đào Thị Q, không phải tài sản chung của vợ

chồng. Khi vay, ông H1 và bà A cam kết từ ngày 15/9/2022 đến ngày 20/9/2022 sẽ trả lại cho bà Q toàn bộ số tiền và vàng nói trên. Khi cho vay, các bên không thoả thuận về số tiền lãi.

Đến hạn, vợ chồng ông H1 và bà A đã trả cho bà Q số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền 450.000.000 đồng và 21 cây vàng còn lại thì ông H1 và bà A liên tục chây ì, không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dứt điểm cho bà Q mặc dù bà Q đã yêu cầu trả nợ rất nhiều lần. Đối với số vàng mà ông H1 và bà A chưa trả, bà Q đề nghị Tòa án lựa chọn tiệm vàng V ở chợ B, thành phố H để xác định giá trị vàng theo giá thị trường trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu tiệm vàng V không còn hoạt động thì nguyên đơn đồng ý Tòa án lựa chọn các tiệm vàng khác tại địa phương để tham khảo giá trị vàng theo giá thị trường.

Bà Đào Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A trả cho bà Q số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và 21 cây vàng (vàng 24K 9999 tại tiệm V ở chợ B, tương đương số tiền là $21 \times 55.200.000 = 1.159.200.000$ đồng tại thời điểm ngày 10/7/2023). Đối với số tiền lãi, nguyên đơn xác định từ ngày 21/9/2022 đến ngày 10/7/2023 là 09 tháng 19 ngày nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông H1 và bà Lan A phải trả cụ thể như sau:

- Tiền lãi đối với số tiền 450.000.000 đồng được tính là: $450.000.000đ \times (10\%/12 \text{ tháng}) \times (9 \text{ tháng } 19 \text{ ngày}) = 36.092.466đ$.

- Tiền lãi do chậm trả 21 cây vàng (24K 9999) được tính là: $1.159.200.000 \text{ đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng}) \times (9 \text{ tháng } 19 \text{ ngày}) = 92.974.000đ$.

Tổng số tiền nợ gốc và giá trị vàng cùng tiền lãi mà vợ chồng ông H1 và bà A phải trả cho bà Q là $450.000.000đ + 1.159.200.000đ + 36.092.466đ + 92.974.000đ = 1.738.266.658đ$.

Đối với 21 cây vàng 24K 9999, bà Q đề nghị phía bị đơn phải trả cho bà Q bằng hiện vật là 21 cây vàng 24K 9999 tại tiệm vàng V ở chợ B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế mà không quy đổi thành tiền. Nếu tiệm vàng V không còn hoạt động thì bà Q đồng ý nhận vàng tại các tiệm vàng khác ở địa phương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đồng ý với các ý kiến của nguyên đơn. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan Công an vì bị đơn có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị đơn ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A trình bày:

Ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A thừa nhận có vay của bà Đào Thị Q 21 cây vàng (vàng 24K 9999) cùng số tiền 600.000.000 đồng, hai bên có lập Giấy vay vàng và tiền để làm chứng như bà Đào Thị Q trình bày. Các bên không có thoả thuận về lãi. Ông H1, bà Lan A đã trả cho bà Q số tiền 150.000.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng ông H1 và bà Lan A còn nợ bà Q số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và 21 cây vàng (vàng 24K 9999). Do tình hình dịch bệnh Covid-19, điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông H1 và bà Lan A có đề nghị trả trước cho bà Q số tiền là 1.000.000.000 đồng nhưng bà Q không đồng ý. Nay ông H1 và bà Lan A đồng ý trả toàn bộ số nợ gốc và vàng cho bà Q. Về phương thức trả nợ, ông H1 và bà Lan A đề nghị được trả mỗi tháng số

tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng. Đối với số vàng còn lại thì vợ chồng ông H1 và bà Lan A sẽ trả số lượng vàng mỗi tháng tùy theo khả năng. Đối với số tiền lãi, ông H1 và bà Lan A không đồng ý với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 275; 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị Q số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 10%/năm tính từ ngày 21/9/2022 cho đến ngày xét xử và 21 cây vàng (loại vàng 24K 9999). Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Q đối với khoản tiền lãi do chậm trả 21 cây vàng (24K 9999) tính từ ngày 21/9/2022 đến ngày 10/7/2023. Về án phí dân sự: Đề nghị buộc ông H1, bà Lan A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; bà Q là người cao tuổi nên được miễn án phí đối với phần yêu cầu tính lãi vàng không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đào Thị Q khởi kiện yêu cầu ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A trả lại số tiền và vàng cho vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố H nên tranh chấp thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 09/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố H nhận được đơn kiến nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông L về việc đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền để xác minh, điều tra đối với hành vi của ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A có dấu hiệu của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay tiền và vàng đã được các bên lập văn bản là Giấy vay vàng và tiền ngày 15/9/2022. Sau khi vay và sau khi bà Q khởi kiện tranh

chấp hợp đồng vay tài sản tại Tòa án, ông H1 và bà Lan A không có thủ đoạn gian dối nào, luôn tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có dấu hiệu dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H1 và bà Lan A đều thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của mình, đã nhiều lần đề nghị trả lại tiền và vàng theo lộ trình cho bà Q vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn như trả trước số tiền 1.000.000.000 đồng hoặc mỗi tháng trả cho bà Q từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng bà Q không đồng ý. Do các đương sự không thỏa thuận được về phương thức trả nợ nên ngày 27/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố H đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với vụ án trên. Mặt khác, tại Công văn số 3521/CATP-ĐTTH ngày 22/6/2023 của Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phúc đáp Công văn số 109/TB-TA với nội dung: “Ngày 12/6/2023, Công an thành phố H có văn bản số 3265/CATP-ĐTTH thông báo cho bà Đào Thị Q rõ nội dung trình báo không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an thành phố H và hướng dẫn bà Đào Thị Q liên hệ đến Tòa án nhân dân thành phố H để được giải quyết”. Việc bà Q cho ông H1 và bà Lan A vay tiền và vàng, hai bên có viết Giấy vay vàng và tiền là giao dịch dân sự, do các bên không thống nhất được cách tính lãi của khoản vay và phương thức thanh toán nên xảy ra tranh chấp, quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận Đơn kiến nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình tố tụng, các đương sự đều thống nhất sử dụng giá vàng tại tiệm vàng V, chợ B, thành phố H để làm căn cứ giải quyết vụ án. Giá vàng bán ra vào ngày 10/7/2023 được niêm yết tại tiệm V là 5.520.000 đồng/01 chỉ vàng 24K 9999 (tương đương 55.200.000 đồng/01 cây vàng 24K 9999) nên Hội đồng xét xử sử dụng giá vàng trên để làm căn cứ tính giá trị vàng tranh chấp trong vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A còn nợ bà Đào Thị Q số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và 21 cây vàng (vàng 24K 9999). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do khoản vay đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (từ ngày 21/9/2022) nên bà Đào Thị Q khởi kiện yêu cầu ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A trả số tiền nợ gốc và vàng nói trên là có căn cứ. Các đương sự đều đồng ý trả bằng hiện vật đối với số vàng còn nợ nên cần buộc ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải trả số tiền nợ 450.000.000 đồng và trả bằng hiện vật là 21 cây vàng (vàng 24K 9999) cho bà Đào Thị Q.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại giấy vay vàng và tiền đề ngày 15/9/2022, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận không thỏa thuận về lãi.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 21/9/2022 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thêm khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn đối với số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 21/9/2022 đến ngày 10/7/2023 với lãi suất

10%/năm = 36.092.466đ là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi do chậm trả 21 cây vàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do vàng là tài sản đặc biệt, có biến động về giá theo từng thời điểm giao dịch, đồng thời theo Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2011 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, các cá nhân không được sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền lãi do chậm trả 21 cây vàng.

Vì vậy vợ chồng ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải liên đới trả cho bà Đào Thị Q số tiền là 450.000.000 đồng + 36.092.466đ = 486.092.466 đồng và 21 cây vàng (loại vàng 24K 9999) theo giá bán ra của tiệm vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 55.200.000 đồng/01 cây vàng x 21 cây vàng = 1.159.200.000 đồng.

[3] Về phương thức trả nợ: Các đương sự không thống nhất được phương thức trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền và vàng một lần, bị đơn không đồng ý. Xét do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, do đó, căn cứ vào các Điều 279, 280 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ một lần số tiền 486.092.466 đồng và 21 cây vàng (loại vàng 24K 9999) cho bà Đào Thị Q.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ + (845.292.466đ x 3%) = 61.358.774đ.

Bà Đào Thị Q chịu án phí đối với yêu cầu khoản tiền lãi do chậm trả 21 cây vàng (24K 9999) tính từ ngày 21/9/2022 đến ngày 10/7/2023 không được chấp nhận là 92.974.000đ x 5% = 4.648.700 đồng. Tuy nhiên, bà Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 279, 280, 288, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị Q số tiền 486.092.466 đồng (trong đó: nợ gốc là 450.000.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 36.092.466 đồng) và 21 cây vàng (loại vàng 24K 9999). Quy đổi vàng ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.159.200.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Q đối với khoản tiền lãi do chậm trả 21 cây vàng (24K 9999) tính từ ngày 21/9/2022 đến ngày 10/7/2023 là 92.974.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Đào Thị Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Phan Đình H1 và bà Trần Thị Lan A phải chịu 61.358.774 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh